

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 43...../ VPĐK-KV2-ĐK&CGCN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2025.

V/v xóa đăng ký thế chấp của Công ty
TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản
Lan Anh

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Văn bản số 370/BTNMT-CDKDLTTĐĐ ngày 01/02/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Nay, Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển thông tin về việc xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Lan Anh và đã được Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận để Sở Nông nghiệp và Môi trường đăng trên Website của Sở (có danh sách kèm theo).

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT.

VT, GIÁM ĐỐC *Maue*
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chiến Thắng



DANH SÁCH XÓA ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP
Định kèm Công văn số/VPĐK-KV2-ĐK&CGCN ngày tháng năm 2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương)

TÀI SẢN ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP												
STT	CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT	THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	DIỆN TÍCH (m²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ PHÁT HÀNH	SỐ VÀO SỔ CẤP GCN	NGÀY CẤP	ĐỊA ĐIỂM		THỜI ĐIỂM THẺ CHẤP	GHI CHÚ
									PHƯỜNG	THÀNH PHỐ		
1	Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Bất động sản Lan Anh (Dự án Khu nhà ở Lan Anh)	1529	4	282.7	Đất ở tại đô thị	DQ 209940	CT41092	14/11/2024	Hội Nghĩa	Tân Uyên	20/05/2025	Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh theo hồ sơ số 250711-4626
2		1530		943.3		DQ 209941	CT70678					
3		1531		591.9		DQ 209942	CT70679					
4		1532		589.8		DQ 209943	CT70680					
5		1533		523.5		DQ 209944	CT70681					
6		1534		1.261,2		DQ 209945	CT70682					
7		1535		708,0		DQ 209946	CT70683					
8		1536		717.9		DQ 209947	CT70684					
9		1537		770,0		DQ 209948	CT70685					
10		1538		770,0		DQ 209949	CT70686					
11		1539		649,4		DQ 209958	CT70687					
12		1540		653.2		DQ 209951	CT70688					
13		1541		275.2		DQ 209952	CT70689					
14		1542		751.7		DQ 209953	CT70690					
15		1543		280,0		DQ 209954	CT70691					
16		1544		324,0		DQ 209955	CT70692					
17		1545		1.227,8		DQ 209956	CT70693					
18		1546		492.6	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DQ 209957	CT70694					